

GIỮ [+8%]

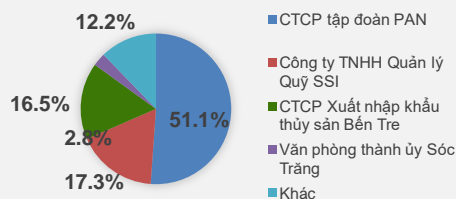
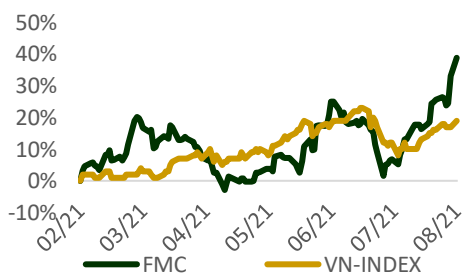
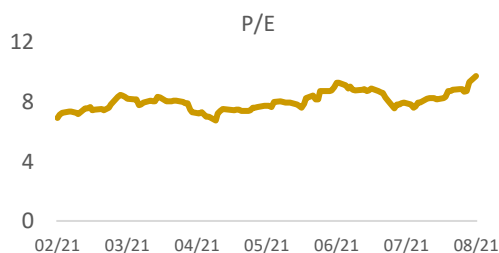
Ngày cập nhật: 17/08/2021

 Giá hợp lý **46,400** VNĐ
 Giá hiện tại **42,900** VNĐ

PHS

 (+82-28) 5 413 5479 – support@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

 CP đang lưu hành (triệu) 58.9
 Free-float (triệu) 17.6
 Vốn hóa (tỷ đồng) 2,548
 KLGD TB 3 tháng 519,413
 Sở hữu nước ngoài 7.69%
 Ngày niêm yết đầu tiên 07/12/2006

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: Fiinpro

Chỉ số tài chính	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	3,079	3,498	3,807	3,710	4,415	4,486
LNST (tỷ VND)	103	112	180	230	226	220
EPS (VND)	3,206	2,818	3,888	3,979	4,607	3,745
Tăng trưởng EPS (%)	-19%	-12%	38%	2%	16%	-19%
Giá trị sổ sách (VND)	15,855	14,723	17,138	19,141	22,044	22,794
P/E	5.7	6.5	6.4	7.0	5.7	12.4
P/B	1.1	1.2	1.5	1.5	1.2	2.0
Cổ tức (%)	30%	45%	20%	25%	25%	N/A

Chiến lược kinh doanh nhằm đón đầu cơ hội từ EVFTA
Cập nhật KQKD H1 2021:

Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021, doanh thu của FMC đạt khoảng 109.2 triệu USD (+24% YoY), chủ yếu nhờ xuất khẩu tôm tăng trưởng mạnh trong H1 2021, trong khi LNST trong H1 2021 tăng 22.1% YoY lên 113 tỷ đồng.

Áp lực chi phí nguyên vật liệu gia tăng đã làm giảm nhẹ biên lợi nhuận gộp mảng thủy sản từ 7.5% trong H1 2020 còn 7.3% trong H1 2021, qua đó làm biên lợi nhuận gộp của FMC trong H1 2021 giảm còn 8.3%. Hơn nữa, mảng nông sản tuy có biên lợi nhuận vượt trội so với mảng thủy sản nhưng biên lợi nhuận gộp cũng sụt giảm từ 49.4% trong H1 2020 còn 38.7% trong H1 2021, do giá nguyên liệu tăng.

Kết thúc H1 2021, chi phí vận chuyển tăng 80% YoY, đã làm cho chi phí bán hàng tăng 29% YoY lên 35 tỷ đồng. Qua đó, làm biên lợi nhuận ròng giảm nhẹ từ 5.8% trong H1 2020 còn 5.3% trong H2 2021.

Điểm nhấn đầu tư:

Nâng cao năng lực sản xuất, đón đầu cơ hội từ EVFTA. Hiện nay tiêu thụ tôm tại thị trường EU chiếm 29% trong tỷ trọng xuất khẩu của FMC. Hiệp định EVFTA đưa mức thuế xuất khẩu tôm về 0% hứa hẹn sẽ mang đến nhiều lợi thế cho FMC mở rộng xuất khẩu sang EU. Nhằm nắm bắt cơ hội từ EVFTA, FMC đã mở rộng vùng nuôi và có kế hoạch đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mới. Năm 2020, FMC đầu tư mở rộng diện tích nuôi tôm tại khu đất kế bên khu nuôi tôm TaNa Farm tại Sóc Trăng, có diện tích hơn 81 hecta. Bên cạnh đó, năm 2021, FMC xây dựng 2 nhà máy chế biến tại Sóc Trăng với tổng công suất 20,000 tấn/năm, tương đương 100% công suất chế biến năm 2019, với mức đầu tư 400 tỷ đồng. Dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2022, và hoạt động 100% công suất vào năm 2025.

Gia tăng tỷ lệ tự chủ nguồn tôm nguyên liệu sẽ góp phần thúc đẩy năng lực cạnh tranh của FMC. FMC đặt kế hoạch tiếp tục mở rộng, từng bước nâng cao mức độ tự chủ về nguyên liệu. Đến năm 2021, FMC phấn đấu đạt tỷ lệ 30%. Trong khi, các đối thủ chính có tỷ lệ tự chủ thấp hơn FMC. Hơn nữa, do quỹ đất phát triển vùng nuôi tôm không còn nhiều, nên việc mở rộng vùng nuôi gia tăng tỷ lệ tự chủ sẽ là thách thức của các doanh nghiệp chế biến tôm lớn trong tương lai.

Định giá & khuyến nghị:

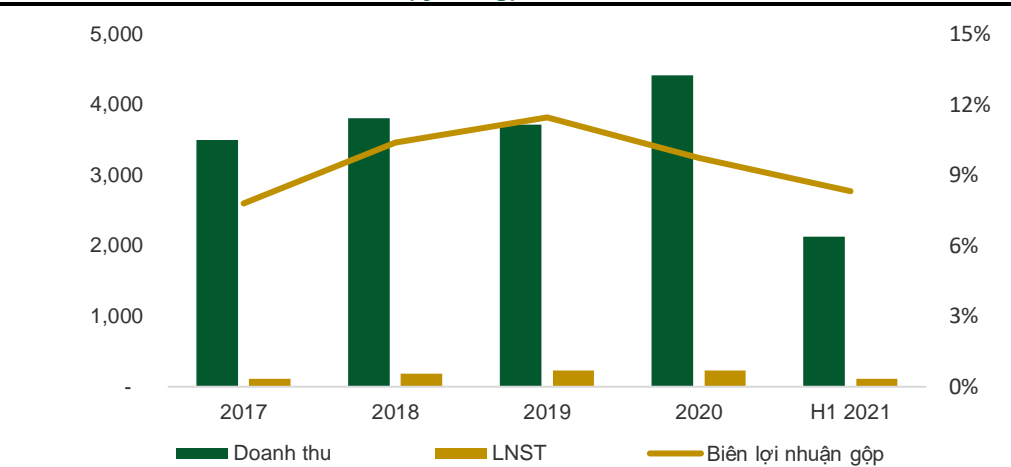
Do tác động của dịch Covid-19 đến sản xuất, chúng tôi điều chỉnh giảm ước tính kết quả kinh doanh của FMC với doanh thu đạt 4,486 tỷ đồng (+1.9% YoY), LNST đạt 220 tỷ đồng (-2.5% YoY). Do lãi suất phi rủi ro giảm, chúng tôi điều chỉnh giảm WACC từ 9.7% trong báo cáo trước còn 8.9%. Bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, chúng tôi nâng mức giá hợp lý cho cổ phiếu FMC lên **46,400 đồng/cổ phiếu** (+8% so với giá hiện tại). Do đó đưa ra khuyến nghị **GIỮ** cổ phiếu này.

Rủi ro:

(1) Rủi ro tập trung doanh thu; (2) Rủi ro nguồn nguyên liệu; (3) Rủi ro tỷ giá hối đoái; (4) Rủi ro cạnh tranh cạnh tranh từ Ấn Độ, Thái Lan, Ecuador; (5) Rủi ro từ dịch Covid-19.

Tình hình kinh doanh của FMC trong H1 2021

Tình hình kinh doanh của FMC (tỷ đồng)



Nguồn: FMC, PHFM tổng hợp

Đà tăng trưởng tích cực trong năm 2020 đang tiếp tục trong các tháng đầu năm 2021, đã góp phần làm cho doanh thu của FMC trong H1 2021 tăng 34.3% YoY đạt 2,129 tỷ đồng, hoàn thành 46% kế hoạch năm 2021. Trong khi LNST tăng 22.1% YoY lên 113 tỷ đồng.

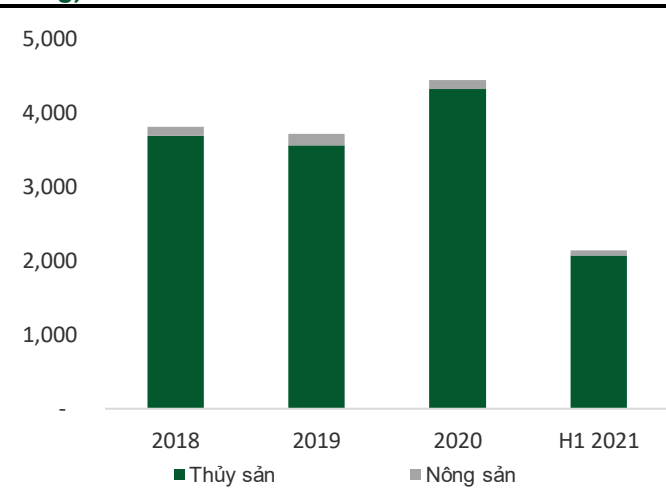
Từ ngày 19/7/2021, FMC đã thực thi “3 tại chỗ” theo Chỉ Thị 16 của chính phủ. Việc này đã làm giảm công suất hoạt động của FMC. Tuy nhiên do nửa đầu tháng tăng trưởng tốt, doanh số tháng 7/2021 đạt 22.1 triệu USD (+8.9% YoY). Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021, doanh thu của FMC đạt khoảng 109.2 triệu USD (+24% YoY), chủ yếu nhờ xuất khẩu tăng trưởng mạnh trong H1 2021.

Xuất khẩu tôm là động lực tăng trưởng chính. Doanh thu bán thủy sản tăng 35.4% YoY, đạt 2,062 tỷ đồng, chiếm 97% tổng doanh thu. Măng nông sản tăng 7.4% YoY đạt 68 tỷ đồng.

Áp lực chi phí nguyên vật liệu gia tăng đã làm giảm nhẹ biên lợi nhuận gộp măng thủy sản từ 7.5% trong H1 2020 còn 7.3% trong H1 2021, qua đó làm biên lợi nhuận gộp của FMC trong H1 2021 giảm còn 8.3%. Hơn nữa, măng nông sản tuy có biên lợi nhuận vượt trội so với măng thủy sản nhưng biên lợi nhuận gộp cũng sụt giảm từ 49.4% trong H1 2020 còn 38.7% trong H1 2021, do giá nguyên liệu tăng.

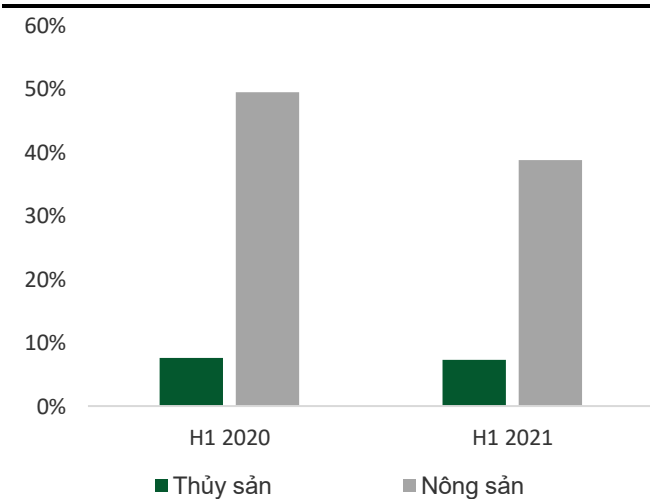
Kết thúc H1 2021, chi phí vận chuyên tăng 80% YoY, đã làm cho chi phí bán hàng tăng 29% YoY lên 35 tỷ đồng. Qua đó, làm biên lợi nhuận ròng giảm nhẹ từ 5.8% trong H1 2020 còn 5.3% trong H2 2021.

Cơ cấu doanh thu của FMC theo sản phẩm (tỷ đồng)



Nguồn: FMC, PHFM tổng hợp

Biên lợi nhuận gộp của FMC theo mảng kinh doanh



Nguồn: FMC, PHFM tổng hợp

Dự phóng kết quả kinh doanh 2021

Trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại các tỉnh phía nam, tỉnh Sóc Trăng cũng không ngoại lệ, áp dụng chỉ thị 16 của Chính phủ trên địa bàn toàn tỉnh. Các doanh nghiệp thủy sản theo đó phải áp dụng mô hình hoạt động “3 tại chỗ”. Từ khi thực hiện “3 tại chỗ”, FMC đã hoạt động 30-40% năng suất so với bình thường kể từ ngày 19/7/2021 cho đến nay. Đến hết ngày 15/8, với sự chuẩn bị cơ sở vật chất, FMC dự định sẽ đưa thêm 100 lao động tham gia “3 tại chỗ”.

Xuất khẩu tôm Việt Nam trong nửa đầu đầu năm 2021 đạt nhiều thành quả đáng ghi nhận với giá trị xuất khẩu đạt 1.7 tỷ đồng (+13.7% YoY), nhu cầu tôm nửa cuối năm 2021 dự kiến sẽ tiếp tục khả quan. Nhưng do dịch Covid-19 và việc thực hiện mô hình “3 tại chỗ” ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp chế biến tôm trong H2 2021, chúng tôi điều chỉnh giảm ước tính kết quả kinh doanh của FMC với doanh thu đạt 4,486 tỷ đồng (+1.9% YoY), LNST đạt 220 tỷ đồng (-2.5% YoY).

Trong nửa cuối năm 2021, FMC đối mặt với áp lực chi phí tăng cao từ chi phí thực hiện “3 tại chỗ” và chi phí vận chuyển. Do đó, chúng tôi ước tính biên lợi nhuận ròng của FMC giảm còn 4.9%, qua đó đưa LNST giảm 2.5% YoY còn 220 tỷ đồng.

Trong dài hạn, chúng tôi kỳ vọng FMC có thể mau chóng vượt qua những thách thức của đại dịch nhờ những điểm nhấn đầu tư sau:

- (1) Thị trường tôm toàn cầu dự kiến sẽ trị giá 24.1 tỷ USD vào năm 2026. Nhu cầu tôm trên thế giới còn nhiều dư địa tăng trưởng khi ý thức tăng cường sức khỏe ngày càng được chú trọng trên thế giới sau đại dịch. Người tiêu dùng chú trọng tôm thẻ chân trắng hơn. Hơn nữa, do tôm thẻ chân trắng là thế mạnh của Việt Nam, Việt Nam nhiều khả năng sẽ nắm bắt cơ hội từ xu hướng này.
- (2) Nâng cao năng lực sản xuất, đón đầu cơ hội từ EVFTA. Hiện nay tiêu thụ tôm tại thị trường EU chiếm 29% trong tỷ trọng xuất khẩu của FMC. Hiệp định EVFTA đưa mức thuế xuất khẩu tôm về 0% hứa hẹn sẽ mang đến nhiều lợi thế cho FMC mở rộng xuất khẩu sang EU. Nhằm nắm bắt cơ hội từ EVFTA, FMC đã mở rộng vùng nuôi và có kế hoạch đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mới. Năm 2020, FMC đầu tư mở rộng diện tích nuôi tôm tại khu đất kế bên khu nuôi tôm TaNa Farm tại Sóc Trăng, có diện tích hơn 81 hecta. Bên cạnh đó, năm 2021, FMC xây dựng 2 nhà máy chế biến tại Sóc Trăng với tổng công suất 20,000 tấn/năm, tương đương 100% công suất chế biến năm 2019, với mức đầu tư 400 tỷ đồng. Dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2022, và hoạt động 100% công suất vào năm 2025. Công ty cho biết năm 2022 kỳ vọng sẽ là năm tăng trưởng vượt bậc của công ty.
- (3) Gia tăng tỷ lệ tự chủ nguồn tôm nguyên liệu sẽ góp phần thúc đẩy năng lực cạnh tranh của FMC. FMC đặt kế hoạch tiếp tục mở rộng, từng bước nâng cao mức độ tự chủ về nguyên liệu. Năm 2021, FMC phấn đấu đạt tỷ lệ 30%. Trong khi, các đối thủ chính có tỷ lệ tự chủ thấp hơn FMC. Hơn nữa, do quỹ đất phát triển vùng nuôi tôm không còn nhiều, nên việc mở rộng vùng nuôi gia tăng tỷ lệ tự chủ sẽ là thách thức của các doanh nghiệp chế biến tôm lớn trong tương lai.

Chi tiết định giá và khuyến nghị:

Do lãi suất phi rủi ro giảm, chúng tôi điều chỉnh giảm WACC từ 9.7% trong báo cáo trước còn 8.9%. Do đó, bằng phương pháp định giá DCF và EV/EBITDA, chúng tôi nâng mức giá hợp lý dành cho cổ phiếu FMC là **46,400 đồng/cổ phiếu** (+8% so với giá hiện tại). Do đó đưa ra khuyến nghị **GIỮ** cho cổ phiếu này.

Phương pháp DCF

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	H2 2021F	2022F	2023F	2024F	2025F
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)	113	276	342	387	411
Lợi nhuận hoạt động ròng sau thuế	108	264	327	370	393
Khấu hao	37	85	90	95	104
WC	(42)	(99)	(126)	(135)	(146)
CAPEX	(54)	(117)	(126)	(130)	(131)
FCFF	49	134	165	200	220
Giá trị hiện tại của FCFF (WACC 8.9%)	47	118	133	148	150
Giá trị hiện tại của cuối cùng (2.0% g)	2,205				
Nợ ròng	(250)				
Giá trị vốn cổ phần	2,551				
SLCP	58,850,000				
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	43,352				

Phương pháp EV/EBITDA

2021 EBITDA	291
EV/EBITDA ngành	12.7x
EV	3,701
Nợ ròng	(250)
Giá trị vốn cổ phần	3,452
SLCP	58,850,000
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	58,651

	DCF	EV/EBITDA	Giá hợp lý
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	43,352	58,651	46,400
Tỷ trọng	80%	20%	VNĐ/CP

Rủi ro:

a. Rủi ro tập trung doanh thu.

Tỷ lệ xuất khẩu của FMC sang Châu Âu, Nhật Bản, và Mỹ chiếm lần lượt là 29%, 24% và 32%, do đó FMC chịu ảnh hưởng từ nhu cầu xuất khẩu của các thị trường này, khi nhu cầu tại các thị trường này giảm sẽ tác động tiêu cực đến công ty.

b. Rủi ro nguồn nguyên liệu.

Hoạt động nuôi tôm chịu ảnh hưởng nhiều bởi thời tiết và dịch bệnh. Hiện tượng thời tiết không thuận lợi gây thiếu hụt đến nguồn cung tôm và khó khăn trong hoạt động nuôi trồng, làm tăng giá tôm nguyên liệu, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp chế biến.

c. Rủi ro tỷ giá hối đoái.

Với hơn 95% doanh thu là xuất khẩu, FMC đối mặt với rủi ro biến động tỷ giá hối đoái, chủ yếu là EUR, JPY, USD tại ba thị trường xuất khẩu lớn là Châu Âu, Nhật Bản, và Mỹ. Bất ổn tại các thị trường xuất khẩu và sự ảnh hưởng của các yếu tố địa chính trị đến tỷ giá là rủi ro đáng quan tâm.

d. Rủi ro cạnh tranh từ Ấn Độ, Thái Lan, Ecuadoro.

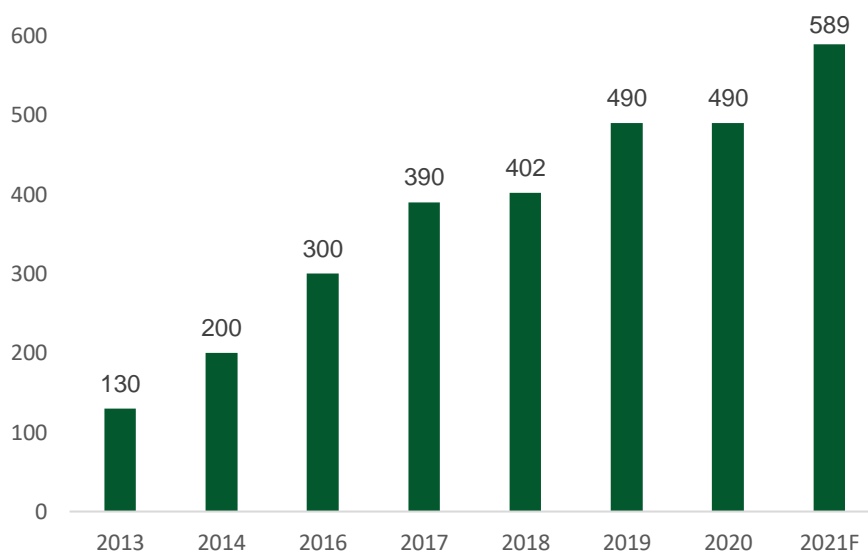
e. Rủi ro từ dịch Covid-19

Sơ lược công ty

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta thành lập năm 1996, năm 2003 chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần, năm 2006 cổ phiếu của công ty niêm yết và giao dịch tại HOSE. Hoạt động kinh doanh chính là Chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ tôm chiếm hơn 96% doanh thu. Các sản phẩm chính của công ty là Tôm tươi, Tôm Nobashi, Tôm tẩm bột, tôm hấp trong đó tôm tươi chiếm tỉ trọng lớn nhất, 37.02%, sau đó là tôm Nobashi 27.13%, với thị trường tiêu thụ truyền thống là Nhật và Mỹ. Hiện FMC đang mở rộng và khôi phục lại các thị trường EU, Nga và Hàn Quốc.



Quá trình tăng vốn (tỷ VNĐ)



Nguồn: FMC, PHFM tổng hợp

Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021E
Doanh thu thuần	3,079	3,498	3,807	3,710	4,415	4,486
Giá vốn hàng bán	(2,841)	(3,225)	(3,412)	(3,285)	(3,986)	(4,052)
Lợi nhuận gộp	238	273	395	425	430	435
Chi phí bán hàng	(72)	(97)	(101)	(118)	(147)	(158)
Chi phí QLDN	(47)	(47)	(77)	(69)	(58)	(59)
Lợi nhuận từ HĐKD	119	129	217	238	225	218
Lợi nhuận tài chính	(11)	(14)	(23)	(3)	11	11
Chi phí lãi vay	(21)	(32)	(23)	(17)	(14)	(16)
Lợi nhuận trước thuế	109	115	194	236	237	230
Lợi nhuận sau thuế	103	112	180	230	226	220
LNST của cổ đông Công ty mẹ	103	112	180	230	226	220
Cân đối kế toán	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021E
Tài Sản Ngắn Hạn	1,078	1,343	1,187	1,098	1,221	1,536
Tiền và tương đương tiền	326	166	27	244	268	471
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	5	9	10	19
Phải thu ngắn hạn	251	413	289	242	305	306
Hàng tồn kho	477	736	837	578	608	696
Tài sản ngắn hạn khác	24	28	29	25	30	44
Tài Sản Dài Hạn	296	307	308	423	490	526
Phải thu dài hạn	0	-	-	3	4	4
Tài sản cố định	234	276	276	267	308	343
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	29	3	13	105	7	8
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	32	28	19	47	171	171
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng tài sản	1,374	1,650	1,495	1,521	1,711	2,062
Nợ phải trả	898	1,076	806	582	630	720
Nợ ngắn hạn	892	1,069	799	572	620	710
Nợ dài hạn	7	7	8	10	10	10
Vốn chủ sở hữu	476	574	689	939	1,081	1,341
Vốn góp	300	390	402	490	490	589
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	1,374	1,650	1,495	1,521	1,711	2,062

Lưu chuyển tiền tệ	2016A	2017A	2018A	2019E	2020E	2021E
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	23	(280)	364	557	44	199
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(6)	(47)	(76)	(151)	(63)	(108)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(14)	168	(428)	(189)	43	112
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	2	(159)	(140)	217	24	203
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	323	326	166	27	244	268
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	326	166	27	244	268	471
Chỉ số tài chính	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021E
Tăng trưởng (%)						
Doanh thu	7.0%	13.6%	8.8%	-2.5%	19.0%	1.6%
Lợi nhuận sau thuế	5.5%	9.3%	60.6%	27.3%	-1.7%	-2.5%
Tổng tài sản	2.2%	20.1%	-9.4%	1.7%	12.5%	20.5%
Tổng vốn chủ sở hữu	37.9%	20.7%	20.0%	36.3%	15.2%	24.1%
Khả năng sinh lời (%)						
Tỷ suất lãi gộp	7.7%	7.8%	10.4%	11.4%	9.7%	9.7%
Tỷ suất EBIT	3.9%	3.7%	5.7%	6.4%	5.1%	4.9%
Tỷ suất lãi ròng	3.3%	3.2%	4.7%	6.2%	5.1%	4.9%
ROA	7.5%	6.8%	12.1%	15.1%	13.2%	10.7%
ROE	21.6%	19.6%	26.2%	24.5%	20.9%	16.4%
Hiệu quả hoạt động						
Số ngày phải thu	31	44	30	27	27	27
Số ngày tồn kho	60	82	88	63	55	62
Số ngày phải trả	4	5	9	5	5	5
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.21	1.26	1.49	1.92	1.97	2.16
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.67	0.57	0.44	0.91	0.99	1.18
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.65	0.65	0.54	0.38	0.37	0.35
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.89	1.87	1.17	0.62	0.58	0.54
Vay ngắn hạn/VCSH	1.88	1.86	1.16	0.61	0.57	0.53
Vay dài hạn/VCSH	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01

Nguồn: PHFM

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Nguyễn Thị Thảo Vy, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801